

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06-02-2026

V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Hương Liễu

Bà Lý Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Quỳnh Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đàm Thị N, sinh ngày 13/05/2003, nơi cư trú: Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020303006564, ngày cấp: 25/9/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh ngày 05/03/1993, nơi cư trú: Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020093008449, ngày cấp: Không có, nơi cấp: Không có. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/11/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đàm Thị N trình bày:

Chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T quen biết, tìm hiểu, yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký

kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 14/05/2021, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống ở Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, chị và anh Hoàng Văn T đã sống ly thân thời gian dài, không còn quan tâm hay liên lạc gì với anh Hoàng Văn T, nay chị Đàm Thị N chỉ còn có trách nhiệm với con. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đàm Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn T. Về con chung: Có 01 con chung là Hoàng Trọng T, sinh ngày 28/03/2021 hiện nay đang sống cùng anh Hoàng Văn T và bà nội là Hoàng Thị N tại Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Đàm Thị N để con cho anh Hoàng Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đàm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Toà án đã triệu tập anh Hoàng Văn T đến Toà án để trình bày lời khai về các yêu cầu của nguyên đơn nhưng anh Hoàng Văn T không có mặt, không có ý kiến trình bày. Toà án đã thực hiện thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với anh Hoàng Văn T.

Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 753/UBND-VP ngày 31/12/2025, UBND xã Q, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn ngày 14/05/2021, vợ chồng không có mâu thuẫn và không sống ly thân; vợ chồng có một con chung là Hoàng Trọng T, sinh ngày 28/03/2021 hiện nay đang sống cùng anh Hoàng Văn T và bà nội là Hoàng Thị N tại Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Hiện nay anh Hoàng Văn T và chị Đàm Thị N không ở địa phương nên UBND xã Q không nắm được thông tin cụ thể. Mức thu nhập của người lao động ở địa phương có mức thu nhập bình quân là khoảng 1.500.000 đồng/ tháng. Mức tối thiểu để đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập phát triển bình thường đối với độ tuổi của cháu Hoàng Trọng T tại địa phương là khoảng 4.000.000 đồng/tháng đến 7.000.000 đồng/tháng. Tại biên bản xác minh tại Công an xã Q, tỉnh Lạng Sơn, sau khi kiểm tra dữ liệu dân cư trên hệ thống thấy trường hợp anh Hoàng Văn T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Q, tỉnh Lạng, đang tạm trú tại khu trọ Trần Văn M 1975, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2025, bà Hoàng Thị N là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T cho biết: Anh Hoàng Văn T và chị Đàm Thị N được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ tháng 02/2020, sau khi kết hôn xong chị Đàm Thị N về chung sống cùng gia đình bà Hoàng Thị N tại Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; Trong quá trình chung sống hai con và bà không có mâu thuẫn gì, chị Đàm Thị N tự bỏ về nhà mẹ đẻ và đi công ty đã mấy năm không về nhà bà lần nào. Từ khi chị Đàm Thị N làm đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn T, do con trai bà đi làm công ty không ở nhà, các văn bản tố tụng

của Tòa án gửi tôi đã nhận thay và thông báo toàn bộ nội dung văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hoàng Văn T; nay chị Đàm Thị N xin ly hôn anh Hoàng Văn T do hai con tự quyết định cũng như về tài sản và vay nợ chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp các con ly hôn bà Hoàng Thị N đề nghị Tòa án giao cho anh Hoàng Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Trọng T đến khi con đủ 18 tuổi, bà Hoàng Thị N cam kết sẽ giúp anh Hoàng Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cháu Hoàng Trọng T và đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng, học tập.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/12/2025. Tuy nhiên, anh Hoàng Văn T vắng mặt, chị Đàm Thị N có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, niêm yết văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn nhiều lần được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án, không trình bày ý kiến là không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đàm Thị N, xử cho chị Đàm Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn T. Về con chung, giao cháu Hoàng Trọng T, sinh ngày 28/03/2021 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, vay nợ chung: Chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Đàm Thị N là người dân tộc sinh sống ở cùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được miễn án phí sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn cư trú tại Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15

ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Q, Công an xã Q và mẹ ruột của anh Hoàng Văn T xác định quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn, nhưng chị Đàm Thị N bỏ về nhà mẹ đẻ trong thời gian dài và sống ly thân từ đó đến nay không về nhà lần nào. Quá trình sống ly thân các đương sự đều không có hành động thể hiện mong muốn quan tâm và hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện việc không còn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bị đơn để trình bày quan điểm, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do thể hiện việc không mong muốn đoàn tụ gia đình phù hợp với lời khai người làm chứng và các biên bản xác minh. Như vậy, hôn nhân giữa chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giải quyết cho chị Đàm Thị N được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

[4] Về con chung: Chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T có 01 con chung tên là Hoàng Trọng T, sinh ngày 28/03/2021, hiện nay đang ở cùng anh Hoàng Văn T và bà nội tại Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Hoàng Trọng T từ nhỏ đến nay đều sinh sống, học tập tại Thôn N, xã Q, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay đang sống cùng bố và bà nội và được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đầy đủ, phát triển bình thường, nên cần giao cháu Hoàng Trọng T, sinh ngày 28/03/2021 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt trong toàn bộ vụ án và không có quan điểm đối với nội dung này nên để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung này. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày không có tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt trong toàn bộ vụ án và không có quan điểm đối với nội dung này nên để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự Hội đồng xét xử không xem xét đối với nội dung này.

[7] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Đàm Thị N là người dân tộc thiểu số, cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn án phí sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Đàm Thị N.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đàm Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Trọng T, sinh ngày 28/03/2021 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi (trưởng thành). Chị Đàm Thị N và anh Hoàng Văn T tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đàm Thị N được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS khu vực 3, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Nam Toàn

